

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2019

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tân**

*** Hội thẩm nhân dân:**

- Ông **Trần Xuân Hòa** - Cán bộ hưu trí xã An Vĩ.

- Bà **Đặng Thị Thêm** - Cán bộ hưu trí xã Dạ Trạch (nguyên Chủ tịch Hội phụ nữ xã Dạ Trạch).

***/ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

***/ Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/HNGĐ-QĐXX ngày 20/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Cao Thị N**, sinh năm 1999; (có mặt)

Bị đơn: **Anh Lê Trọng D**, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Đều ĐKKHKT, trú tại: Thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người làm chứng:**

1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã E, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1970; (có mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị **Cao Thị N** trình bày tại Tòa án như sau:

Năm 2017, chị kết hôn với anh **Lê Trọng D**, sinh năm 1992 là người ở xóm giữa, thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Anh chị có thời gian sống chung như vợ chồng rồi sau đó mới tiến hành đăng ký kết hôn.

Chị và anh D được tự do tìm hiểu nhau trong khoảng 06 tháng và tiến hành kết hôn dựa trên sự tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 28/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị có sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường được khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng gay gắt. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, và do mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng quá ngột ngạt, chồng chị không chia sẻ với chị mà luôn đứng về phía mẹ chồng để nói chị nên dẫn đến thường xuyên vợ chồng cãi vã nhau. Từ tháng 5, năm 2018 chị đã dọn ra ngoài thuê nhà để sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh D không liên hệ hay hỏi thăm gì đến chị và cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị ổn định cuộc sống vì chị rất mệt mỏi với cuộc hôn nhân này.

Về con chung: Chị N và anh Lê Trọng D không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để làm việc nhưng anh D không đến, Tòa án đã đến trực tiếp nhà anh D để lấy lời khai nhưng anh D vắng mặt không có nhà nên đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh D là bà Phạm Thị A và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà A để bà A giao lại và thông báo cho anh D đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lê Trọng D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Cao Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D, vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng không thể chung sống với nhau được nữa. Về con chung, chị N và anh D không có con chung. Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lê Trọng D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tổng đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Tòa án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân

thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị hội đồng xét xử cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Lê Trọng D; về con chung: không có con chung; tài sản chung, công nợ ruộng đất nông nghiệp 03 của anh D và chị N thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; nguyên đơn chị Cao Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Lê Trọng D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 28/11/2017 theo số 74 đã xác lập về quan hệ vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị N, lời khai của người làm chứng, cùng kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã P đều thể hiện: Sau khi chị N và anh D kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc bình thường được khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng gay gắt. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 5, năm 2018 chị đã dọn ra ngoài thuê nhà để sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh D không liên hệ hay hỏi thăm gì đến chị và cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa. Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Cao Thị N và anh Lê Trọng D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Lê Trọng D để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Lê Trọng D không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N không đặt ra xem xét. Khi nào anh Lê Trọng D và chị Cao Thị N có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Điều 51; 56; 57; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Lê Trọng D.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:** Không đặt ra xem xét, khi nào chị Cao Thị N, anh Lê Trọng D có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

- **Về án phí:**Chị Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0001295 ngày 09/7/2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu (chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

- **Về quyền kháng cáo:** Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS K/C;
- UBND xã P;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Tân

